Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Khung thuế suất (%)	CK WTO 2011 (%)	TS 2010 (%)	DK TS 2011 (%)	Số TT[1]
2106	90	59	00	- - - Loại khác:		**15,0**	15	15	
				- - Các chế phẩm có chứa cồn dùng để sản xuất đồ uống:					
				- - - Chế phẩm dùng làm nguyên liệu thô để chế biến chất cô đặc tổng hợp:					
2106	90	61	00	- - - - Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng lỏng		**20,0**	*20*	20	
2106	90	62	00	- - - - Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng khác		**20,0**	*20*	20	
				- - - Chất cô đặc tổng hợp để pha đơn giản vào nước uống:					
2106	90	64	00	- - - - Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng lỏng		**20,0**	*20*	20	
2106	90	65	00	- - - - Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng khác		**20,0**	*20*	20	
2106	90	69	00	- - - Loại khác		**20,0**	15	15	
2106	90	70	00	- - Các chế phẩm thực phẩm bổ sung		**15,0**	*15*	15	
2106	90	80	00	- - Hỗn hợp khác của hoá chất với thực phẩm hoặc các chất khác có giá trị dinh dưỡng, dùng để chế biến thực phẩm		**15,0**	15	15	
				- - Loại khác:					
2106	90	91	00	- - - Chế phẩm hỗn hợp các vitamin và khoáng chất để tăng cường dinh dưỡng		**15,0**	*15*	15	
2106	90	92	00	- - - Chế phẩm làm từ sâm		**17,6**	*15*	15	
2106	90	93	00	- - - Chế phẩm thực phẩm dùng cho trẻ em thiếu lactase		**20,0**	*15*	15	
2106	90	94	00	- - - Các chế phẩm thực phẩm khác dùng cho trẻ em		**20,0**	*15*	15	
2106	***90***	***95***	***00***	***- - - Seri kaya***		***17,6***	***20***	***18***	*(225)*
2106	90	99		- - - Loại khác:					
2106	90	99	10	- - - - Các chế phẩm làm ngọt gồm chất tạo ngọt nhân tạo và chất thực phẩm		**18,0**	*15*	15	
2106	90	99	20	- - - - Các chế phẩm hương liệu		**15,0**	*5*	5	
2106	90	99	30	- - - - Sản phẩm dinh dưỡng y tế		**15,0**	*5*	5	
2106	90	99	90	- - - - Loại khác		**17,6**	*15*	15	
22.01				**Nước, kể cả nước khoáng tự nhiên hoặc nhân tạo và nước có ga, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác hay hương liệu; nước đá và tuyết.**	**20-47**				
2201	***10***	***00***	***00***	***- Nước khoáng và nước có ga***		***38,0***	***40***	***38***	*(226)*
2201	90			- Loại khác:					
2201	90	10	00	- - Nước đá và tuyết		**40,0**	40	40	
2201	90	90	00	- - Loại khác		**40,0**	40	40	
22.02				**Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác hay hương liệu và đồ uống không chứa cồn khác, không bao gồm nước quả ép hoặc nước rau**	**20-38**				

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Khung thuế suất (%)	CK WTO 2011 (%)	TS 2010 (%)	DK TS 2011 (%)	Số TT[1]
				ép thuộc nhóm 20.09.					
2202	10			- Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác hay hương liệu:					
2202	10	10	00	- - Nước khoáng xô đa hoặc nước có ga, có hương liệu		**35,0**	*34*	34	
2202	10	90	00	- - Loại khác		**35,0**	*34*	34	
2202	90			- Loại khác:					
2202	90	10	00	- - Sữa tươi tiệt trùng có hương liệu		**30,0**	*30*	30	
2202	***90***	***20***	***00***	***- - Sữa đậu nành***		***32,0***	***34***	***32***	*(227)*
2202	***90***	***30***	***00***	***- - Đồ uống không có ga dùng ngay được không cần pha loãng***		***32,0***	***34***	***32***	*(228)*
2202	***90***	***90***	***00***	***- - Loại khác***		***24,0***	***27***	***24***	*(229)*
22.03				**Bia sản xuất từ malt.**	**30-59**				
2203	***00***	***10***	***00***	***- Bia đen hoặc bia nâu***		***41,0***	***47***	***40***	*(230)*
2203	***00***	***90***	***00***	***- Loại khác, kể cả bia ale***		***41,0***	***47***	***40***	*(231)*
22.04				**Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm nho trừ loại thuộc nhóm 20.09.**	**30-63**				
2204	***10***	***00***	***00***	***- Rượu vang có ga nhẹ***		***53,0***	***56***	***52***	*(232)*
				- Rượu vang khác; hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:					
2204	21			- - Loại trong đồ đựng không quá 2 lít:					
				- - - Rượu vang:					
2204	***21***	***11***	***00***	***- - - - Có nồng độ tính theo thể tích không quá 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(233)*
2204	***21***	***12***	***00***	***- - - - Có nồng độ tính theo thể tích trên 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(234)*
				- - - Hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:					
2204	***21***	***21***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(235)*
2204	***21***	***22***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(236)*
2204	29			- - Loại khác:					
				- - - Rượu vang:					
2204	***29***	***11***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(237)*
2204	***29***	***12***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(238)*
				- - - Hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:					
2204	***29***	***21***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(239)*
2204	***29***	***22***	***00***	***- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%***		***53,0***	***56***	***52***	*(240)*
2204	30			- Hèm nho khác:					
2204	***30***	***10***	***00***	***- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%***		***57,0***	***59***	***57***	*(241)*

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Khung thuế suất (%)	CK WTO 2011 (%)	TS 2010 (%)	DK TS 2011 (%)	Số TT[1]
2204	*30*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%*		*57,0*	*59*	*57*	*(242)*
22.05				**Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương vị từ thảo mộc hoặc chất thơm.**	**30-63**				
2205	10			- Loại trong đồ đựng không quá 2 lít:					
2205	*10*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%*		*57,0*	*59*	*57*	*(243)*
2205	*10*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%*		*57,0*	*59*	*57*	*(244)*
2205	90			- Loại khác:					
2205	*90*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%*		*57,0*	*59*	*57*	*(245)*
2205	*90*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%*		*57,0*	*59*	*57*	*(246)*
22.06				**Đồ uống đã lên men khác (ví dụ: vang táo, vang lê, vang mật ong); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn, chưa chi tiết hay ghi ở nơi khác.**	**30-63**				
2206	*00*	*10*	*00*	*- Vang táo hoặc vang lê*		*57,0*	*59*	*57*	*(247)*
2206	*00*	*20*	*00*	*- Rượu sa kê (rượu gạo)*		*57,0*	*59*	*57*	*(248)*
2206	*00*	*30*	*00*	*- Tô đi (toddy)*		*57,0*	*59*	*57*	*(249)*
2206	*00*	*40*	*00*	*- Shandy*		*57,0*	*59*	*57*	*(250)*
2206	*00*	*90*	*00*	*- Loại khác, kể cả vang mật ong*		*57,0*	*59*	*57*	*(251)*
22.08				**Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác.**	**30-61**				
2208	20			- Rượu mạnh thu được từ cất rượu vang nho hoặc rượu bã nho:					
2208	*20*	*10*	*00*	*- - Rượu Brandy có nồng độ cồn không quá 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(252)*
2208	*20*	*20*	*00*	*- - Rượu Brandy có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(253)*
2208	*20*	*30*	*00*	*- - Loại khác, có nồng độ cồn không quá 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(254)*
2208	*20*	*40*	*00*	*- - Loại khác, có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(255)*
2208	30			- Rượu Whisky:					
2208	*30*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn không quá 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(256)*
2208	*30*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(257)*
2208	40			- Rượu rum và rượu mạnh khác được cất từ mật mía:					
2208	*40*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn không quá 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(258)*
2208	*40*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(259)*
2208	50			- Rượu Gin và rượu Cối:					
2208	*50*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn không quá 46% tính theo*		*51,7*	*55*	*52*	*(260)*

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Khung thuế suất (%)	CK WTO 2011 (%)	TS 2010 (%)	DK TS 2011 (%)	Số TT[1]
				thể tích					
2208	*50*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(261)*
2208	60			- Rượu Vodka:					
2208	*60*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn không quá 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(262)*
2208	*60*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn trên 46% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(263)*
2208	70			- Rượu mùi và rượu bổ:					
2208	*70*	*10*	*00*	*- - Có nồng độ cồn không quá 57% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(264)*
2208	*70*	*20*	*00*	*- - Có nồng độ cồn trên 57% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(265)*
2208	90			- Loại khác:					
2208	*90*	*10*	*00*	*- - Rượu sam-su y tế có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(266)*
2208	*90*	*20*	*00*	*- - Rượu sam-su y tế có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(267)*
2208	*90*	*30*	*00*	*- - Rượu sam-su khác có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(268)*
2208	*90*	*40*	*00*	*- - Rượu sam-su khác có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(269)*
2208	*90*	*50*	*00*	*- - Rượu arrack và rượu dứa có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(270)*
2208	*90*	*60*	*00*	*- - Rượu arrack và rượu dứa có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(271)*
2208	*90*	*70*	*00*	*- - Rượu đắng và các loại đồ uống tương tự có nồng độ cồn không quá 57% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(272)*
2208	*90*	*80*	*00*	*- - Rượu đắng và các loại đồ uống tương tự có nồng độ cồn trên 57% tính theo thể tích*		*51,7*	*55*	*52*	*(273)*
2208	*90*	*90*	*00*	*- - Loại khác*		*51,7*	*55*	*52*	*(274)*
24.02				**Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, chế biến từ lá thuốc lá hoặc từ các chất thay thế lá thuốc lá.**	**30-145**				
2402	*10*	*00*	*00*	*- Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ, làm từ lá thuốc lá*		*110,0*	*120*	*110*	*(275)*
2402	20			- Thuốc lá điếu làm từ lá thuốc lá:					
2402	20	10	00	- - Thuốc lá Bi-đi (Beedies)		**135,0**	*135*	135	
2402	20	90	00	- - Loại khác		**135,0**	*135*	135	
2402	90			- Loại khác:					
2402	90	10	00	- - Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ, làm từ chất thay thế lá thuốc lá		**135,0**	*135*	135	
2402	90	20	00	- - Thuốc lá điếu làm từ chất thay thế lá thuốc lá		**135,0**	*135*	135	
2507	*00*	*00*	*00*	*Cao lanh và đất sét cao lanh khác, đã hoặc chưa nung.*	*0-3*	*3,0*	*3*	*0*	*(276)*
2509	*00*	*00*	*00*	*Đá phấn.*	*0-3*	*3,0*	*3*	*0*	*(277)*
25.10				**Canxi phosphat tự nhiên, canxi phosphat**	**0-3**				